TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST
Ngày 23/4/2021
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT – TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Nguyễn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 645/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 20120về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2021/QĐST-DS ngày 26/3/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc
Địa chỉ: Đường N, Quận X, thành phố H.
Người đại diện khởi kiện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Minh T. Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm thẻ S.
(Giấy ủy quyền số: 1159/2020/GUQ-PL ngày 05/5/2020)
Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quang T. Chức vụ: Chuyên viên kiểm soát rủi ro.
Địa chỉ: Đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.
(Giấy ủy quyền số: 95/2020/GUQ-TTT ngày 29/10/2020)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh N.
Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Quang T trình bày:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/5/2014 của bà Nguyễn Thị Minh N, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Ngân hàng TMCP S đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho bà Nguyễn Thị Minh N, hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp hạn mức tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.630.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà N không thực hiện theo cam kết trong hợp đồng, bà N mới chỉ trả được số tiền 6.500.000 đồng. Ngân hàng TMCP S đã nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng bà N vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Ngày 06/4/2015, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 23/4/2021, bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ là là 70.043.078 đồng (trong đó: Nợ gốc 19.630.000 đồng, lãi quá hạn là 50.406.050 đồng) là 70.043.078 đồng (trong đó: Nợ gốc 19.630.000 đồng, lãi quá hạn là 50.406.050 đồng).

Vì vậy, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh N phải trả cho Ngân hàng tổng tiền số nợ tạm tính đến ngày 23/4/2021 là 70.043.078 đồng (trong đó: Nợ gốc 19.630.000 đồng, lãi quá hạn là 50.406.050 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 24/4/2021 cho đến khi trả nợ xong theo quy định của hợp đồng tín dụng.

- Bị đơn, bà Nguyễn Thị Minh N:

Tại biên bản xác minh ngày 10/3/2021, xác định: Bà Nguyễn Thị Minh N có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 7, phường Tân Thành, Tp. Buôn Ma Thuột, nhưng bà N đã bỏ đi khỏi địa phương. Hiện nay, bà N ở đâu, địa phương không biết.

Toà án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng bà N không đến Toà án để tham gia tố tụng theo theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cố tình vắng mặt khỏi địa phương và không thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn, bà Nguyễn Thị Minh N đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 7, phường Tân Thành, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Nhưng bà N đã bỏ đi khỏi địa phương và vắng mặt tại nơi cư trú. Hiện nay bà N ở đâu, chính quyền địa phương không biết.

Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì bà N được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Toà án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định để bà N đến Toà án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng bà N vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà N.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, HĐXX thấy: Việc vay tiền giữa bà Nguyễn Thị Minh N với Ngân hàng TMCP S là có thật. Được thể hiện bằng giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/5/2014 của bà Nguyễn Thị Minh N, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Theo đó, Ngân hàng TMCP S đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho bà Nguyễn Thị Minh N là 20.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. hiệu lực thẻ và lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn: Theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

Sau khi được cấp hạn mức tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.630.000 đồng.

Hiện nay, bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ là nợ là 70.043.078 đồng (trong đó: Nợ gốc 19.630.000 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/4/2021 là 50.406.050 đồng).

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/5/2014 bà N ký với Ngân hàng TMCP S trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; nội dung và hình thức không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Nhưng quá trình sử dụng thẻ, bà N đã không thực hiện theo cam kết, khi đến hạn trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà N vẫn không trả cho thực hiện nghãi vụ trả nợ.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của bà N đã vi phạm quy định của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S; vi phạm Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy, xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc bà Nguyễn Thị Minh N phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trên và lãi suất phát sinh từ ngày 24/4/2021 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh N phải chịu 3.502.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.514.000 đồng tạm ứng án phí do ông Lê Văn G đã nộp thay theo biên lai thu số AA/2019/0013250 ngày 03/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 144; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S. Buộc bà Nguyễn Thị Minh N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tổng tiền số nợ tạm tính đến ngày 23/4/2021 là 70.043.078 đồng (trong đó: Nợ gốc 19.630.000 đồng, lãi quá hạn là 50.406.050 đồng). Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 24/4/2021 cho đến khi bà N khi trả nợ xong theo quy định của hợp đồng tín dụng.

[2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh N phải chịu 3.502.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.514.000 đồng tạm ứng án phí do ông Lê Văn G đã nộp thay theo biên lai thu số AA/2019/0013250 ngày 03/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh, Tp. BMT;
-THADS Tp. BMT;
-Đương sự.
-Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

PHAN ĐÌNH HẢI